

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TAM CHUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Tam Chung, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TAM CHUNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết ngày 05 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2026 và Hội nghị Chính phủ với địa phương;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính, danh mục thủ tục hành chính;

Căn cứ Công văn số 173/HCC-KSTTHC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa về việc phân cấp, ủy quyền và thực hiện cắt giảm thời gian theo chỉ đạo tại Thông báo số 91/TB-TCT ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Tổ công tác Đề án 06 tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Tam Chung.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Thực hiện cắt giảm từ 30% đến 50% thời gian giải quyết đối với một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Tam Chung.
- Thời gian giải quyết mới không vượt quá quy định của cấp trên và đảm

bảo đúng quy trình, chất lượng giải quyết.

- Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 27 thủ tục hành chính cắt giảm thời gian thực hiện thuộc thẩm quyền giải quyết tại UBND xã (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Trung tâm Phục vụ hành chính công:

- Niêm yết công khai thời gian giải quyết thủ tục hành chính đã được cắt giảm.
- Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy trình các thủ tục hành chính.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này. Định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND xã theo quy định.

2. Các phòng chuyên môn:

- Chủ động rà soát, thực hiện đơn giản hóa quy trình xử lý hồ sơ.
- Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các phòng chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh (để b/c);
- Công an tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng chuyên môn UBND xã;
- Trung tâm Phục vụ xã;
- Lưu: VT, HCC.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TẠI UBND XÃ TAM CHUNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND xã Tam Chung)

STT	MÃ TTHC	TÊN TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT			Tỷ lệ cắt giảm % (Cột 7=cột 6/cột 4)	Ghi chú
			Thời gian quy định	Thời gian sau cắt giảm	Thời gian cắt giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Lĩnh vực: Hộ tịch						
1	1.004772.000.0 0.00.H56	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	5 ngày làm việc	3 ngày làm việc	2 ngày làm việc	40%	
2	1.004859.000.0 0.00.H56	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	3 ngày làm việc	2 ngày làm việc	1 ngày làm việc	33,3%	
II	Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội						
3	1.001776.000.00.00.H56	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc	30%	
4	1.014027.H56	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc	30%	
III	Lĩnh vực: An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)						
5	1.013855.H56	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	6 ngày làm việc	30%	
IV	Lĩnh vực: Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)						

6	1.012975.H56	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	7 ngày làm việc	4 ngày làm việc	3 ngày làm việc	42,9%	
7	3.000309.H56	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	33,3%	
8	3.000309.H57	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	5 ngày làm việc	3 ngày làm việc	2 ngày làm việc	42,9%	
V	Lĩnh vực: Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)						
9	1.012971.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	5 ngày làm việc	3 ngày làm việc	2 ngày làm việc	40%	
10	1.012962.H56	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc	30%	
11	1.012961.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	6 ngày làm việc	30%	
VI	Lĩnh vực: Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)						
12	1.012970.H56	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc	30%	

13	3.000308.H56	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	33,3%	
14	3.000307.H56	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	6 ngày làm việc	30%	
15	3.000315.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc	30%	
VII	Lĩnh vực: Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)						
16	1.012963.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	33,3%	
VIII	Lĩnh vực: Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)						
17	1.012968.H56	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	6 ngày làm việc	30%	
18	1.012966.H56	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	7 ngày làm việc	4 ngày làm việc	3 ngày làm việc	42,9%	
19	1.012965.H56	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	7 ngày làm việc	4 ngày làm việc	3 ngày làm việc	42,9%	
20	1.012967.H56	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	25 ngày làm việc	17 ngày làm việc	8 ngày làm việc	32%	

21	1.012964.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	25 ngày làm việc	17 ngày làm việc	8 ngày làm việc	32%	
22	2.002482.000.00.00.H56	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	5 ngày làm việc	3 ngày làm việc	2 ngày làm việc	40%	
23	2.002481.000.00.00.H56	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	3 ngày làm việc	2 ngày làm việc	1 ngày làm việc	33,3%	
IX	Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)						
24	1.014336.H56	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc	30%	
X	Lĩnh vực: Trẻ em (Bộ Y tế)						
25	2.001947.000.00.00.H56	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2 ngày làm việc	1 ngày làm việc	1 ngày làm việc	50%	
26	2.001944.000.00.00.H56	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	33,3%	
27	1.004941.000.00.00.H56	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	33,3%	